



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

THÁNG 04 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 - DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.557.154.280.711	9.110.171.708.130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	581.835.907.418	727.802.355.742
Tiền	111		470.949.308.165	618.028.446.343
Các khoản tương đương tiền	112		110.886.599.253	109.773.909.399
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.788.610.232.647	2.797.961.380.470
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		2.788.610.232.647	2.797.961.380.470
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.688.766.358.225	1.584.470.163.370
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.556.540.742.464	1.506.795.302.935
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	99.350.435.022	73.697.607.135
Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	60.744.500.646	35.736.944.015
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.3	(27.869.319.907)	(31.759.690.715)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	3.063.430.252.339	3.582.329.782.499
Hàng tồn kho	141		3.063.430.252.339	3.651.740.541.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	(69.410.758.617)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		434.511.530.082	417.608.026.049
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	30.751.846.862	29.255.297.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	V.15	402.921.886.627	387.340.927.601
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.15	837.796.593	1.011.800.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 - DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.013.727.759.040	2.790.394.792.886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.483.194.916	11.488.194.916
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	215	V.5	11.476.759.916	11.481.759.916
II. Tài sản cố định	220		1.950.828.660.780	1.864.364.245.681
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.740.153.118.710	1.648.782.100.649
- Nguyên giá	222		4.874.660.862.654	4.721.876.748.746
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.134.507.743.944)	(3.073.094.648.097)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	86.950.582.244	91.515.291.265
- Nguyên giá	225		144.995.180.732	144.995.180.732
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(58.044.598.488)	(53.479.889.467)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	123.724.959.826	124.066.853.767
- Nguyên giá	228		143.531.273.727	143.531.273.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(19.806.313.901)	(19.464.419.960)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.11	89.746.304.831	216.849.723.688
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		28.404.729.008	27.902.442.105
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		61.341.575.823	188.947.281.583
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		310.000.000.000	260.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	V.2	310.000.000.000	260.000.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		651.669.598.513	437.692.628.601
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	638.685.296.905	410.190.019.761
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		6.292.023.806	20.592.104.588
Lợi thế thương mại	279	V.12	6.692.277.802	6.910.504.252
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		11.570.882.039.751	11.900.566.501.016

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 - DN/HN
 (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2026	Số đầu kỳ 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.578.316.962.251	7.933.576.483.500
I. Nợ ngắn hạn	310		7.332.766.924.585	7.747.212.109.796
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.544.613.842.096	1.413.145.833.265
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	49.565.782.406	34.762.012.507
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		284.287.500	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	17.690.356.726	99.860.391.505
Phải trả người lao động	315		27.335.412.038	35.255.136.415
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		2.180.056.510	10.288.498.337
Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	4.965.632.245	5.696.414.951
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	5.635.607.160.362	6.101.424.587.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		50.524.394.702	46.779.235.690
II. Nợ dài hạn	330		245.550.037.666	186.364.373.704
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17	189.864.373.704	186.364.373.704
Trái phiếu chuyển đổi	340	V.18	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	3.992.565.077.500	3.966.990.017.516
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.490.988.510.000	1.490.988.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.010.806.040)	(550.891.189)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.638.285.666.523	1.610.207.790.905
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		1.586.022.158.265	1.338.362.554.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		52.263.508.258	271.845.236.303
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.502.673.062	26.545.573.845
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.570.882.039.751	11.900.566.501.016

Người lập biểu

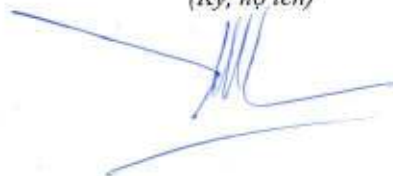
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



ĐÔNG Á

Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 - DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.589.473.968.022	3.978.057.960.979	3.589.473.968.022	3.978.057.960.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		452.117.637	1.465.729.314	452.117.637	1.465.729.314
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.589.021.850.385	3.976.592.231.665	3.589.021.850.385	3.976.592.231.665
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.429.073.770.881	3.694.136.378.519	3.429.073.770.881	3.694.136.378.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		159.948.079.504	282.455.853.146	159.948.079.504	282.455.853.146
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.1	64.960.979.867	63.137.023.608	64.960.979.867	63.137.023.608
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	80.122.351.467	80.690.104.254	80.122.351.467	80.690.104.254
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		73.697.605.705	60.157.646.415	73.697.605.705	60.157.646.415
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	50.844.762.228	164.015.212.016	50.844.762.228	164.015.212.016
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25.208.884.680	21.290.231.666	25.208.884.680	21.290.231.666
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		68.733.060.996	79.597.328.818	68.733.060.996	79.597.328.818
13. Thu nhập khác	31	VI.6	1.438.793.180	2.914.972.852	1.438.793.180	2.914.972.852
14. Chi phí khác	32	VI.6	2.911.560.799	907.419.229	2.911.560.799	907.419.229
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.472.767.619)	2.007.553.623	(1.472.767.619)	2.007.553.623
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.260.293.377	81.604.882.441	67.260.293.377	81.604.882.441
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	2.297.726.145	2.380.409.079	2.297.726.145	2.380.409.079
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	14.300.080.782	16.533.781.024	14.300.080.782	16.533.781.024
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		50.662.486.450	62.690.692.338	50.662.486.450	62.690.692.338
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		52.263.508.258	62.692.220.551	52.263.508.258	62.692.220.551
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.601.021.808)	(1.528.213)	(1.601.021.808)	(1.528.213)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Văn Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
 (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	67.260.293.377	81.604.882.441
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	66.537.925.259	66.090.486.603
Hoàn nhập các khoản dự phòng	3	(73.301.129.425)	(82.403.546.490)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1.139.535.389)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(60.183.288.932)	(20.405.568.035)
Chi phí lãi vay	6	73.697.605.705	60.157.646.415
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	72.871.870.595	105.043.900.934
Tăng các khoản phải thu	9	(109.356.717.341)	(93.843.242.694)
Giảm hàng tồn kho	10	587.808.001.874	259.107.798.014
Tăng (Giảm) các khoản phải trả	11	97.304.676.427	(512.133.243.818)
Tăng (Giảm) chi phí chờ phân bổ	12	(229.991.826.066)	5.592.868.017
Tiền lãi vay đã trả	14	(80.677.772.635)	(68.017.684.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(47.703.562.474)	(12.408.452.611)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.938.861.471)	(21.459.654.913)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	272.315.808.909	(338.117.711.627)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(25.178.408.148)	(60.812.147.301)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	-	3.194.444.440
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(2.475.245.908.647)	(921.316.795.245)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	2.434.597.056.470	1.362.481.291.095
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	53.853.502.722	36.152.252.659
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	(11.973.757.603)	419.699.045.648

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/IN
 (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

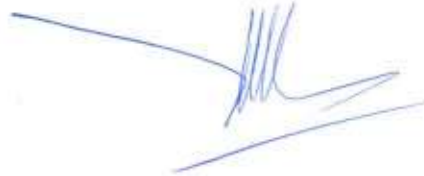
CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	2.695.476.881.241	3.956.639.897.184
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.094.008.739.815)	(4.042.472.931.531)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.099.904.228)	(9.475.394.727)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(209.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(406.631.762.802)	(95.517.429.074)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(146.289.711.496)	(13.936.095.053)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	727.802.355.742	811.027.391.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	323.263.172	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	581.835.907.418	797.091.296.346

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 04 năm 2026
 Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất các sản phẩm thép, và các sản phẩm cơ khí; mua bán các sản phẩm thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.

3. Mô hình hoạt động:

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 là: 1.347 người (ngày 01 tháng 01 năm 2026: 1.367 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có Chín (9) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công Ty TNHH Logistics Hưng Việt Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2025, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Logistics Hưng Việt theo GCNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 9.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1 Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
7. Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Lăng B, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	95	95
8. Công ty TNHH Thép Indo Vina Địa Chỉ: Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/Khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	51	51
9. Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đông Á Địa Chỉ: 18 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế Toán

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí
kinh doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ
hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia
quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

19. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	9.873.961.442	178.824.833
Tiền gửi ngân hàng	461.075.346.723	614.649.621.510
Tiền đang chuyển	-	3.200.000.000
Các khoản tương đương tiền	110.886.599.253	109.773.909.399
TỔNG CỘNG	581.835.907.418	727.802.355.742

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cho vay	218.990.100.000	88.708.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	352.000.000.000	252.000.000.000
Trái phiếu	2.217.620.132.647	2.457.253.380.470
CỘNG	2.788.610.232.647	2.797.961.380.470
Dài hạn		
Trái phiếu	310.000.000.000	260.000.000.000
CỘNG	310.000.000.000	260.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.098.610.232.647	3.057.961.380.470

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	182.859.487.585	169.850.422.798
Công Ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	193.164.539.177	116.293.772.283
Phải thu khách hàng khác	1.175.881.234.332	1.220.651.107.854
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	4.635.481.370	-
TỔNG CỘNG	1.556.540.742.464	1.506.795.302.935
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.869.319.907)	(31.759.690.715)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.528.671.422.557	1.475.035.612.220

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Morris Shipping SGP PTE. LTD	12.823.198.255	91.295.545
Danieli Co., Ltd	19.675.195.813	19.675.195.813
PRC Technology (Beijing) Co., Ltd	12.301.011.000	12.301.011.000
Shanghai Jingxiang Industrial Company Limited	11.565.427.680	11.565.427.680
Nhà cung cấp khác	42.985.602.274	30.064.677.097
CỘNG	<u>99.350.435.022</u>	<u>73.697.607.135</u>
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	<u>6.435.000</u>	<u>6.435.000</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>99.356.870.022</u></u>	<u><u>73.704.042.135</u></u>

5. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	10.390.203.250	7.155.728.250
Phải thu chi hộ	347.736.380	237.623.800
Lãi dự thu	30.600.715.238	24.333.953.686
Khác	19.405.845.778	4.009.638.279
CỘNG	<u>60.744.500.646</u>	<u>35.736.944.015</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	11.476.759.916	11.481.759.916
CỘNG	<u>11.476.759.916</u>	<u>11.481.759.916</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>72.221.260.562</u></u>	<u><u>47.218.703.931</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thành phẩm	1.757.745.515.837	2.125.029.616.569
Nguyên liệu, vật liệu	1.172.856.567.804	1.011.079.114.148
Hàng đang đi trên đường	87.507.640.702	470.467.895.742
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.446.027.219	41.285.560.434
Công cụ, dụng cụ	2.816.007.990	2.872.590.890
Hàng hoá	1.058.492.787	1.005.763.333
TỔNG CỘNG	3.063.430.252.339	3.651.740.541.116
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(69.410.758.617)
Giá trị thuần	3.063.430.252.339	3.582.329.782.499

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025
	VND	VND
<i>Số đầu kỳ</i>	69.410.758.617	251.401.145.812
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	171.601.981.782
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(69.410.758.617)	(251.401.145.812)
<i>Số cuối kỳ</i>	-	171.601.981.782

7. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	30.751.846.862	29.255.297.940
Công cụ, dụng cụ đang dùng	18.623.160.164	18.362.884.938
Khác	12.128.686.698	10.892.413.002
Dài hạn	638.685.296.905	410.190.019.761
Tiền thuê đất trả trước (*)	490.028.274.003	269.434.429.971
Công cụ, dụng cụ đang dùng	95.215.741.331	90.728.447.899
Khác	53.441.281.571	50.027.141.891
TỔNG CỘNG	669.437.143.767	439.445.317.701

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	899.958.735.333	3.571.899.201.112	228.627.530.851	21.354.837.262	36.444.188	4.721.876.748.746
Dầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	73.754.192.131	73.666.274.642	4.753.000.000	610.647.135	-	152.784.113.908
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	973.712.927.464	3.645.565.475.754	233.380.530.851	21.965.484.397	36.444.188	4.874.660.862.654
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	38.745.368.576	1.223.271.355.896	74.651.806.303	14.938.082.388	-	1.351.606.613.163
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	314.758.918.435	2.555.922.951.556	185.177.063.004	17.208.989.366	26.725.736	3.073.094.648.097
Khấu hao trong kỳ	10.486.199.776	46.002.848.992	4.603.710.525	318.514.345	1.822.209	61.413.095.847
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	325.245.118.211	2.601.925.800.548	189.780.773.529	17.527.503.711	28.547.945	3.134.507.743.944
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	585.199.816.898	1.015.976.249.556	43.450.467.847	4.145.847.896	9.718.452	1.648.782.100.649
Tại ngày 31/03/2026	648.467.809.253	1.043.639.675.206	43.599.757.322	4.437.980.686	7.896.243	1.740.153.118.710

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
Thuê trong kỳ	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	6.396.350.783	47.083.538.684	53.479.889.467
Khấu hao trong kỳ	656.040.510	3.908.668.511	4.564.709.021
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	7.052.391.293	50.992.207.195	58.044.598.488
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	19.845.269.519	71.670.021.746	91.515.291.265
Tại ngày 31/03/2026	19.189.229.009	67.761.353.235	86.950.582.244

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	26.004.973.727	143.531.273.727
Mua mới	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	117.526.300.000	26.004.973.727	143.531.273.727
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	16.337.924.227	16.337.924.227
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2026	-	19.464.419.960	19.464.419.960
Hao mòn trong kỳ	-	341.893.941	341.893.941
Tại ngày 31/03/2026	-	19.806.313.901	19.806.313.901
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	117.526.300.000	6.540.553.767	124.066.853.767
Tại ngày 31/03/2026	117.526.300.000	6.198.659.826	123.724.959.826

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	28.404.729.008	27.902.442.105
TỔNG CỘNG	<u>28.404.729.008</u>	<u>27.902.442.105</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản	-	-
Khác	61.341.575.823	188.947.281.583
TỔNG CỘNG	<u>61.341.575.823</u>	<u>188.947.281.583</u>
TỔNG CỘNG	<u>89.746.304.831</u>	<u>216.849.723.688</u>

12. LỢI THÊ THƯƠNG MẠI

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung	6.692.277.802	6.910.504.252
TỔNG CỘNG	<u>6.692.277.802</u>	<u>6.910.504.252</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả cho người bán Khác	460.582.988.008	512.387.322.299
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	1.084.030.854.088	900.758.510.966
TỔNG CỘNG	<u>1.544.613.842.096</u>	<u>1.413.145.833.265</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	3.055.752.940	10.222.917.433
LLC Max Trade Group	646.742.181	3.367.568.059
Dh Quan Trading Co., Ltd	17.013.967.962	-
LLC Termo-bud	7.563.399.303	-
LLC Dives-Plus	142.218.462	3.676.265.081
H.S.I.I CO., LTD.	3.070.898.987	7.659.454.160
Người mua trả tiền trước khác	18.072.802.571	9.835.807.774
TỔNG CỘNG	<u>49.565.782.406</u>	<u>34.762.012.507</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 -- DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại ngày 31/03/2026
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.986.840	-	-	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	387.340.927.601	483.603.047.762	468.022.088.736	402.921.886.627
Thuế Thu nhập cá nhân	280.829.387	96.481.159	280.829.387	96.481.159
Khác	710.984.281	23.930.000	13.585.687	721.328.594
TỔNG CỘNG	388.352.728.109	483.723.458.921	468.316.503.810	403.759.683.220
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.744.480.559	2.297.726.145	47.744.480.559	2.297.726.145
Thuế giá trị gia tăng	45.203.581.930	491.873.454.669	525.632.705.381	11.444.331.218
Thuế thu nhập cá nhân	326.692.402	3.231.436.369	3.263.736.864	294.391.907
Thuế bảo vệ môi trường	32.400.000	97.200.000	97.200.000	32.400.000
Thuế nhập khẩu	124.293.412	41.338.279	124.293.412	41.338.279
Khác	6.428.943.202	40.396.499	2.889.170.524	3.580.169.177
TỔNG CỘNG	99.860.391.505	497.581.551.961	579.751.586.740	17.690.356.726

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Thù lao HDQT, BKS và ban thư ký HĐQT	3.309.647.900	3.158.035.756
Khác	1.655.984.345	2.538.379.195
TỔNG CỘNG	4.965.632.245	5.696.414.951

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày
20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY, NỢ THUẾ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/03/2026		01/01/2026
	VND		VND
Vay ngắn hạn			
Vay ngân hàng	5.528.886.771.952		5.928.729.249.974
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	27.062.563.172		29.251.943.724
Upas L/C	59.222.137.848		59.222.137.848
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	20.435.687.390		28.535.591.618
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	-		55.685.663.962
CỘNG	5.635.607.160.362		6.101.424.587.126
Vay dài hạn			
Vay ngân hàng	171.044.136.680		167.544.136.680
Nợ thuế tài chính	18.820.237.024		18.820.237.024
CỘNG	189.864.373.704		186.364.373.704
TỔNG CỘNG	5.825.471.534.066		6.287.788.960.830
	31/03/2026		01/01/2026
	VND	USD	VND
	USD	USD	USD
Vay, nợ thuế tài chính và trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	5.635.607.160.362	-	6.101.424.587.126
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	5.528.886.771.952		5.928.729.249.974
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	1.926.435.559.444		1.920.997.797.170
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	2.424.181.508.764		2.237.937.719.225
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	503.942.774.408		494.239.256.932
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	-		434.165.455.574
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-		121.451.528.399
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	255.834.185.459		221.837.104.070
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	239.210.780.710		198.554.512.470
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	179.281.963.167		299.545.876.134
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	27.062.563.172		29.251.943.724
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	6.568.141.655		8.757.522.207
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	20.494.421.517		20.494.421.517
Upass-LC	59.222.137.848		59.222.137.848
Trái phiếu chuyển đổi	-		55.685.663.962
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	20.435.687.390		28.535.591.618
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	11.916.744.424		16.547.202.406
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	3.778.791.466		5.668.187.212
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	4.740.151.500		6.320.202.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	189.864.373.704		186.364.373.704
Vay dài hạn ngân hàng	171.044.136.680		167.544.136.680
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	146.960.950.630		143.460.950.630
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	24.083.186.050		24.083.186.050
Nợ thuế tài chính dài hạn	18.820.237.024		18.820.237.024
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	10.989.593.192		10.989.593.192
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	7.830.643.832		7.830.643.832
TỔNG CỘNG	5.825.471.534.066	-	6.287.788.960.830

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 4,60%/năm đến 7,60%/năm. Lãi suất của các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 6,70%/năm đến 8,50%/năm. Lãi suất của các khoản thuế tài chính từ các công ty thuế tài chính bằng VND là từ 7,23%/năm đến 7,90%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG A**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn	Cấu phần nợ (VND)
2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Ngày 01 tháng 01 năm 2026 và

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất - Phụ lục số 10 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2028. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.**19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ trước								
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	62.692.720.551	(1.528.213)	62.690.692.338
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.054.407.964)	-	(26.054.407.964)
Khác	-	-	-	-	-	(3.158.035.756)	-	(3.158.035.756)
Tại ngày 31/03/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.859.819.695.153	2.049.621.950	3.848.583.451.058
Kỳ này								
Tại ngày 01/01/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	(550.891.189)	1.610.207.790.905	26.545.573.845	3.966.990.017.516
Lô chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(459.914.851)	-	(441.878.976)	(901.793.827)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	52.263.508.258	(1.601.021.807)	50.662.486.451
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(21.684.020.482)	-	(21.684.020.482)
Khác	-	-	-	-	-	(2.501.612.138)	-	(2.501.612.138)
Tại ngày 31/03/2026	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	(1.010.806.040)	1.638.285.666.523	24.502.673.062	3.992.565.077.500

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu kỳ	1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.490.988.510.000	1.146.915.100.000

19.3 Cổ phiếu

	31/03/2026 VND Số cổ phiếu	01/01/2026 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	149.098.851	149.098.851
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	149.098.851	149.098.851
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	149.098.851	149.098.851
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.589.473.968.022	3.978.057.960.979
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	3.551.255.528.203	3.955.408.008.843
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	38.218.439.819	22.649.952.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	452.117.637	1.465.729.314
Doanh thu thuần	3.589.021.850.385	3.976.592.231.665
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	3.550.803.410.566	3.953.942.279.529
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	38.218.439.819	22.649.952.136

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	60.183.288.932	18.579.589.855
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	4.777.690.935	44.557.433.753
TỔNG CỘNG	64.960.979.867	63.137.023.608

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.429.073.770.881	3.694.136.378.519
TỔNG CỘNG	3.429.073.770.881	3.694.136.378.519

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	73.697.605.705	60.157.646.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	6.424.745.762	20.532.457.839
TỔNG CỘNG	80.122.351.467	80.690.104.254

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	1.617.309.632	107.871.486.955
Chi phí lương nhân viên	14.580.263.826	14.885.066.243
Chi phí quảng cáo	11.642.987.197	9.861.642.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.204.718.925	29.292.377.323
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.799.482.648	2.104.638.818
TỔNG CỘNG	50.844.762.228	164.015.212.016

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.697.690.749	8.411.748.802
Chi phí nhân viên	14.882.687.124	13.461.567.647
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.088.993.813	2.021.297.677
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.460.487.006)	(2.604.382.460)
TỔNG CỘNG	25.208.884.680	21.290.231.666

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Thu nhập khác	1.438.793.180	2.914.972.852
Thu nhập từ bán phế liệu	855.886.069	936.993.317
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	1.588.415.165
Khác	582.907.111	389.564.370
Chi phí khác	2.911.560.799	907.419.229
Chi phí từ thanh lý phế liệu	-	332.842.258
Tiền phạt thuế	6.301.603	504.001
Khác	2.905.259.196	574.072.970
Lợi nhuận khác	(1.472.767.619)	2.007.553.623

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.297.726.145	2.380.409.079
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	14.300.080.782	16.533.781.024
Chi phí thuế TNDN	16.597.806.927	18.914.190.103

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	999.999.027.100	793.327.925.382
		Bán hàng	38.218.439.819	22.649.952.136

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/03/2026	Tại ngày 01/01/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	4.635.481.370	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	1.084.030.854.088	900.758.510.966

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC Ngày

20 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	1.860.000.000	60.000.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	222.053.775	887.748.764
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	746.193.686	584.109.586
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	623.456.604	567.778.583
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	588.478.863	-
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	575.041.046	-
Ông Đỗ Hữu Vân	Phó Tổng Giám đốc	567.173.573	-
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2025	632.360.866	587.520.373
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	255.700.000	5.700.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	53.000.000	3.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS	30.000.000	-
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên BKS	30.000.000	-
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS	10.000.000	-
TỔNG CỘNG		6.273.458.413	2.695.857.306

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước